ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ 12 – GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022 – 2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Củng cố lại kiến thức trong chương trình giữa học kì II gồm các bài: 19-> 23.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong quá trình ôn tập, làm bài kiểm tra.

3. Năng lực

- Năng lực chung: Tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề sáng tạo; ngôn ngữ .
- Năng lực chuyên biệt bộ môn lịch sử:

+ Tìm hiểu lịch sử.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

II. ĐỀ CƯƠNG

1. Hướng dẫn đề cương theo bài

Bài 19: Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953)

- Trình bày được nội dung của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- Trình bày được nội dung của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951)
- Trình bày được những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về chính trị, kinh tế từ năm 1951 đến năm 1952.

Bài 20: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 – 1954)

- Trình bày được những nét chính của chiến cuộc Đông Xuân (1953 - 1954), chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương; ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Hiểu (giải thích) được chủ trương của Đảng trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

Bài 21: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965)

- Nêu được tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954: Đất nước bị chia cắt làm hai miền (tạm thời).
- Trình bày được phong trào "Đồng khởi"; sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- Phân tích được ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- Nêu được nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).
- Hiểu được nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960), nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam
- Phân tích được ý nghĩa Đại hội III của Đảng.
- Nhận xét được tác động của cách mạng mỗi miền và mối quan hệ khăng khít của cách mạng hai miền Nam – Bắc.

- Nêu được những nét chính của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta phá "ấp chiến lược", chiến thắng Ấp Bắc và chiến dịch tiến công địch trong đông – xuân 1964 – 1965.
- Hiểu được đặc điểm của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.
- Hiểu được ý nghĩa cuộc đấu tranh của nhân dân ta phá "ấp chiến lược", chiến thắng Ấp Bắc và chiến dịch tiến công địch trong đông – xuân 1964 – 1965.
- Ý nghĩa của các sự kiện trên: làm phá sản về cơ bản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

Bài 22. Hai miền đất nước trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973)

- Trình bày (được) ý nghĩa thắng lợi của chiến thắng Vạn Tường, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968).
- Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ".
- Phân tích (được) ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.
- Trình bày được những thắng lợi về chính trị và ngoại giao của nhân dân miền Nam làm thất bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.
- Trình bày (được) cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- Hiểu được đặc điểm chính của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mĩ (1969 – 1972).
- Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mĩ (1969 – 1972).
- Phân tích được nguyên nhân Mĩ phải thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".
- Phân tích được ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- Trình bày được những thành tích trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ lần thứ hai (1972) – Trận Điện Biên Phủ trên không.
- Hiểu được ý nghĩa của trận "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972.
- Phân tích được vai trò, ý nghĩa của hậu phương miền Bắc với cách mạng miền Nam và ý nghĩa của trận "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972.
- Nhận xét được vai trò của hậu phương lớn miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954-1975.
- Nêu được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
- Hiểu được ý nghĩa của HĐ Pari năm 1973…

Bài 23. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)

- Nêu được những thủ đoạn của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và cuộc đấu tranh chống "bình định – lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- Hiểu được ý nghĩa của chiến thắng Phước Long.
- Nêu được bối cảnh và chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam.
- Trình bày được diễn biến chính của những chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch, Hồ Chí Minh.
- Hiểu được tại sao Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm, sự điều chỉnh kịp thời của Đảng.
- Hiểu được lí do Đảng chọn Tây Nguyên là địa bàn tấn công đầu tiên…
- Phân tích được ý nghĩa của các chiến dịch trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975).
- Hiểu được nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và vai trò của hậu phương miền Bắc đối với cách mạng miền Nam.
- Hiểu được ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mĩ với đối với dân tộc và phong trào cách mạng thế giới.

- Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
- Đánh giá được sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng trong kháng chiến chống Mĩ.

III. ĐỀ MINH HỌA

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1: Ngày 10 tháng 10 năm 1954 gắn liền với sự kiện nào dưới đây trong lịch sử dân tộc?
A. Quân đội Việt Nam tiếp quản thủ đô Hà Nội.
B. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà.
C. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi.
D. Pháp buộc phải kí kết Hiệp định Giơnevơ.

Câu 2: Phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) ở miền Nam đã dẫn tới sự ra đời của mặt trận nào sau đây?
A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
C. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.
D. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Câu 3: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam
(9 - 1960) xác định cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò như thế nào đối với cách mạng cả nước?
A. Quyết định nhất.
B. Quyết định trực tiếp.
C. Quyết định gián tiếp.
D. Quan trọng nhất.

Câu 4: Trong những năm (1961 – 1965), đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở miền Nam Việt Nam?
A. Chiến tranh đặc biệt.
B. Chiến tranh cục bộ.
C. Việt Nam hóa chiến tranh.
D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 5: Trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt, quân đội Sài Gòn sử dụng phổ biến chiến thuật nào dưới đây?
A. Trực thăng vận, thiết xa vận.
B. Tìm diệt và bình định.
C. Tràn ngập lãnh thổ.
D. Bao vây, đánh lấn.

Câu 6: Trong những năm (1965 - 1968), đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?
A. Chiến tranh cục bộ.
B. Việt Nam hóa chiến tranh.
C. Chiến tranh tổng lực.
D. Chiến tranh đơn phương.

Câu 7: Chiến thắng nào dưới đây của quân và dân miền Nam đã mở ra khả năng đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mĩ?

A. Vạn Tường (1965).
B. Ấp Bắc (1963).
C. Bình Giã (1964).
D. Đồng khởi (1960).

Câu 8: Trong những năm (1969 – 1973), đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở miền Nam Việt Nam?
A. Việt Nam hóa chiến tranh.
B. Chiến tranh cục bộ.
C. Chiến tranh đặc biệt.
D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây là âm mưu của Mĩ khi gây chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai năm 1972?
A. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.
B. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh đặc biệt.
C. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh cục bộ.
D. Nhằm nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược.

Câu 10: Thắng lợi nào của quân và dân Việt Nam đã buộc Mĩ phải kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?
A. Trận "Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972.
B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.
C. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi năm 1975.
D. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi năm 1975.

Câu 11: Chiến dịch nào sau đây thắng lợi đã cho thấy khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mĩ là rất hạn chế?
A. Đường 14 – Phước Long.
B. Bình Giã.
C. Hồ Chí Minh.
D. Ấp Bắc.

Câu 12: Khi chiến dịch Tây Nguyên còn đang tiếp diễn, Đảng ta quyết định mở chiến dịch nào dưới đây?
A. Huế - Đà Nẵng.
B. Bình Giã.
C. Hồ Chí Minh.
D. Đường 14 – Phước Long.

Câu 13: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của quân và dân Việt Nam trải qua các chiến dịch nào dưới đây?
A. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
B. Đường 14 – Phước Long, Tây Nguyên.
C. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.
D. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng.

Câu 14. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định chọn địa bàn nào là hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975?
A. Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ.
C. Tây Nam Bộ.
D. Đà Nẵng.

Câu 15: Chiến dịch nào kết thúc đã đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?
A. Hồ Chí Minh.
B. Huế - Đà Nẵng.
C. Tây Nguyên.
D. Đường 14 – Phước Long.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân dẫn tới thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 – 1975?
A. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
B. Đế quốc Mĩ đã thất bại trong cuộc chiến tranh lạnh với Liên Xô.
C. Nền kinh tế Mĩ bị kiệt quệ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
D. Đế quốc Mĩ không nhận được sự giúp đỡ từ các nước đồng minh.

Câu 17: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam đã thông qua nội dung nào dưới đây?
A. Đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền.
B. Đồng ý cho nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng chống lại Mĩ – Diệm.
C. Quyết định đưa cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
D. Đề ra chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 18: Chiến thắng nào dưới đây của quân và dân Miền Nam đã mở ra khả năng đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mĩ?
A. Ấp Bắc (1963).
B. Bình Giã (1964).
C. Vạn Tường (1965)
D. "Đồng khởi" (1960)

Câu 19: Nội dung nào dưới đây **không** phải là thủ đoạn của chính quyền và quân đội Sài Gòn trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt?
A. Tham gia vào các cuộc hành quân "tìm diệt" của quân viễn chinh Mĩ.
B. Thực hiện dồn dân lập "ấp chiến lược".
C. Tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc.
D. Mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Câu 20: Quân đội Mĩ đóng vai trò cố vấn trong chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở Việt Nam?
A. Chiến tranh đặc biệt.
B. Chiến tranh cục bộ.
C. Chiến tranh tổng lực.
D. Chiến tranh đơn phương.

Câu 21: Nội dung nào dưới đây là thủ đoạn của Mĩ khi thực hiện chiến lược Chiến tranh cục bộ ở Việt Nam?
A. Đưa quân Mĩ vào trực tiếp tham chiến.
B. Đưa quân Mĩ vào miền Nam làm cố vấn.

C. Không sử dụng quân đội Sài Gòn.
D. Rút dần quân đội Mĩ về nước.

Câu 22: Nội dung nào sau đây **không** phải là thủ đoạn của Mĩ khi thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh?
A. Ồ ạt đưa quân đội Mĩ vào trực tiếp tham chiến ở Miền Nam.
B. Tăng cường viện trợ kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.
C. Tăng cường viện trợ quân sự cho quân đội Sài Gòn.
D. Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.

Câu 23: Âm mưu của Mĩ khi tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai năm 1972 là gì?
A. Gây sức ép buộc ta phải nhượng bộ trên bàn đàm phán ngoại giao.
B. Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh và hỏa lực với lực lượng cách mạng.
C. Gây sức ép với các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh cục bộ.

Câu 24: Nội dung nào dưới đây là nội dung của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?
A. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
B. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.
C. Mĩ công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.
D. Việt Nam tạm thời bị chia cắt ở vĩ tuyến 17.

Câu 25: Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra và hoàn chỉnh sau khi nhận được tin thắng lợi từ chiến dịch nào?
A. Đường 14 – Phước Long.
B. Huế - Đà Nẵng.
C. Tây Nguyên.
D. Điện Biên Phủ trên không.

Câu 26: Chiến dịch nào sau đây kết thúc thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang một giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam?
A. Tây Nguyên.
B. Huế - Đà Nẵng.
C. Hồ Chí Minh.
D. Đường 14 – Phước Long.

Câu 27: Chiến thắng nào của quân và dân Việt Nam thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ đánh cho "Ngụy nhào"?
A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
C. Hiệp định Pari được kí kết năm 1973.
D. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Câu 28: Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 - 1975?
A. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

B. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng.

C. Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

D. Hậu phương miền Bắc lớn mạnh đã chi viện cho miền Nam.

PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Phân tích ý nghĩa lịch sử của phong trào **"**Đồng Khởi" (1959 - 1960).

Câu 2 (1,5 điểm): Từ kiến thức đã được học về hậu phương miền Bắc trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975), hãy cho biết ý kiến của anh, (chị) về nhận định: *cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đến thắng lợi của cách mạng cả nước.*

Câu 3 (1,5 điểm): Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Câu 4 (1,5 điểm): Đánh giá vai trò sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

Câu 5 (1,5 điểm): Tại sao nói cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước?

Câu 6 (1,5 điểm): Nhận xét về mối quan hệ khăng khít và sự tác động qua lại lẫn nhau của cách mạng hai miền Nam – Bắc trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975).

Câu 7 (1,5 điểm): Phân tích những nguyên nhân dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975).

Câu 8 (1,5 điểm): Đánh giá vài trò của hậu phương miền Bắc đối với thắng lợi của cách mạng cả nước trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975).

Câu 9 (1,5 điểm): Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975).

Câu 10 (1,5 điểm): Hãy làm sáng tỏ nhận định: "Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng" là nguyên nhân quyết định dẫn tới sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

----------HẾT ----------